TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK R'LẤP** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/DSST

Ngày 04-5-2023

"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thế Kỳ
2. Ông Nguyễn Xuân Thùy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 29/2023/TLST - DS ngày 02 tháng 02 năm 2023, về việc*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 05/2022/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-DS, ngày 14 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-DS, ngày 25 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn 5, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1974

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Thu H (Theo văn bản ủy quyền ngày 16-3-2023): Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn 5, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06-02-2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Quang T trình bày:

Ngày 05-02-2021 ông cho vợ chồng ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị L vay số tiền 1.208.400.000 đồng, khi vay tiền giữa các bên có viết giấy tay với nhau, ông L, bà L là người ký vào giấy vay nợ. Khi vay tiền ông và ông L, bà L thỏa thuận lãi suất là 1.5%/tháng nhưng không ghi vào giấy vay tiền, thời gian ông L, bà L cam kết trả nợ ông là ngày 05-02-2022. Khi vay tiền ông L, bà L có đưa cho ông 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 692120 đứng tên vợ ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị L để làm tin.

Ngày 04-5-2021 ông L, bà L đã trả cho ông số tiền 1.000.000.000 đồng, còn nợ lại 208.400.000 đồng, ông đã cộng tiền lãi 1,5%tháng của số tiền 1.208.400.000 đồng từ ngày 05-02-2021 đến ngày 04-5-2021 vào tiền gốc còn nợ thành số tiền 262.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 53.6000.000 đồng, cũng trong ngày 04-5-2021 ông đã trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 692120 cho ông L, bà L.

Khi đến hạn trả nợ ông đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông L, bà L chỉ trả thêm cho ông số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 30-8-2022.

Số tiền ông cho ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị L vay là tiền chung của ông và vợ là bà Lê Thị Thu H nhưng để ông đứng ra giao dịch.

Nay ông Nguyễn Quang T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp giải quyết buộc ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị L phải trả số 262.000.000 đồng, về lãi suất ông yêu cầu tính lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày 05-5-2021 đến ngày giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Quang T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng vì ngày 30-8-2022 ông L, bà L đã trả cho ông số tiền nên trên và không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 53.600.000 đồng vì đây là tiền lãi của khoản tiền 1.208.400.000 đồng.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị L trình bày:

Vợ chồng ông, bà có làm ăn, buôn bán và vay tiền của ông Nguyễn Quang T nhiều lần từ năm 2014, đến ngày 05-02-2021 ông Nguyễn Quang T cộng tổng số tiền gốc và tiền lãi ông, bà còn nợ ông T là 1.208.400.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, tiền lãi 2%/tháng là 208.400.000 đồng; ông, bà có viết và ký giấy vay tiền với ông T, thời gian cam kết trả nợ cho ông T là ngày 05-02-2022; lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng nhưng không ghi vào giấy. Đến ngày 04-5-2021 ông, bà đã trả cho ông T số tiền 1.000.000.000 đồng, còn nợ lại 208.400.000 đồng, tuy nhiên ông T lại cộng tiền lãi 1,5%/tháng của số tiền 1.208.400.000 đồng từ ngày 05-02-2021 đến ngày 04-5-2021 thành tổng số tiền là 262.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 8-2022 ông, bà trả thêm cho ông T số tiền 10.000.000 đồng.

Nay ông Nguyễn Quang T khởi kiện yêu cầu ông, bà trả số tiền 262.000.000 đồng và lãi suất ông, bà không đồng ý vì đó là tiền lãi của khoản vay trước đây cộng lại.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Thu H, ông Nguyễn Quang T trình bày:

Bà Lê Thị Thu H là vợ của ông Nguyễn Quang T, số tiền ông Nguyễn Quang T cho ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị L vay là tiền chung của bà H và ông T, bà H đồng ý cho để ông T cho ông L, bà L vay tiền số tiền 1.208.400.000 đồng. Bà đồng ý với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của ông T, bà yêu cầu ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị L trả cho vợ chồng bà số tiền còn nợ là 262.000.000 đồng và lãi suất 1,5%/tháng như hai bên đã thỏa thuận.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng: Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc, người tham gia tố tụng chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 25, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của của ông Nguyễn Quang T đối với ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị L về số tiền gốc 10.000.000 đồng đã trả ngày 30-8-2022 và không yêu tính lãi suất đối với số tiền 53.600.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T đối với ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị L.

Buộc ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Nguyễn Quang T và bà Lê Thị Thu H tổng số tiền 323.715.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 198.400.000 đồng, tiền lãi suất là 125.315.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật:* Căn cứ vào đơn khởi kiện và lời khai của ông Nguyễn Quang T, về việc yêu cầu ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị L trả số tiền 262.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 05-02-2021 và lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày 05-4-2021 đến khi giải quyết xong vụ án, thì đây là quan hệ *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị L là bị đơn trong vụ án có địa chỉ trú tại: Thôn 5, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị L, có địa chỉ tại: Thôn 5, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Trong quá trình giải quyết vụ án ông L, bà L có mặt, tuy nhiên tại các phiên tòa, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị L vẫn vắng

mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị L theo quy định của pháp luật.

[3]. *Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[3.1]. Ông Nguyễn Quang T khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị L trả số tiền 262.000.000 đồng và lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày 05-5-2021, theo giấy mượn tiền đề ngày 05-02-2021. Tại phiên tòa ông Nguyễn Quang T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 10.000.000 đồng (ông L, bà L đã trả ngày 30-8-2022), chỉ yêu cầu ông L, bà L trả số tiền 198.400.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 53.600.000 đồng (đã cộng vào số tiền 262.000.000 đồng). Việc ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên cần áp dụng Điều 243, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T đối với ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị L về 10.000.000 đồng tiền gốc và không yêu cầu tính lãi suất của số tiền 53.600.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị L thừa nhận ngày 05-02-2021 ông, bà có viết giấy vay của ông Nguyễn Quang T số tiền 1.208.400.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng nhưng không ghi vào giấy, thời gian trả nợ là ngày 05-02-2022; ngày 04-5-2021 ông, bà đã trả cho ông T số tiền 1.000.000.000 đồng, còn nợ lại 208.400.000 đồng; ông T tính tiền lãi 1,5%/tháng của số tiền 1.208.400.000 đồng từ ngày 05-02-2021 đến ngày 04-5-2021 là 53.600.000 đồng và cộng thành tổng số tiền là 262.000.000 đồng; khoảng tháng 8/2022 ông, bà trả thêm cho ông T số tiền 10.000.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có căn cứ khẳng định ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị L có vay tiền của ông Nguyễn Quang T.

Ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị L cho rằng số tiền 1.208.400.000 đồng ông, bà viết giấy vay tiền với ông T ngày 05-02-2021 là tiền ông, bà làm ăn, buôn bán và vay tiền của ông Nguyễn Quang T từ năm 2014, trong số tiền 1.208.400.000 đồng thì tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi 2%/tháng là 208.400.000 đồng. Tuy nhiên, ông Nguyễn Quang T không thừa nhận điều này; trong quá trình giải quyết vụ án ông L, bà L không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho ý kiến của mình nên phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân. Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố Tụng dân sự quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Toà án giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*.

[3.2]. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận trong số tiền 262.000.000 đồng có 53.600.000 đồng là tiền lãi của của số tiền 1.208.400.000

đồng tính từ ngày 05-02-2021 đến ngày 04-5-2021 (mức lãi suất là 1,5%/tháng) và khi bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 1.000.000.000 đồng thì nguyên đơn đã cộng 53.600.000 đồng tiền lãi vào tiền gốc, vì vậy cần xác định tiền nợ gốc là 208.400.000 đồng (đã trả 10.000.000 đồng trả ngày 30-8-2022, còn lại 198.400.00 đồng), tiền lãi là 53.600.000 đồng. Việc các bên thỏa thuận lãi suất không vượt quá 20%/năm của khoản vay theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên có căn cứ buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi 53.600.000 đồng.

[3.3]. Việc vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật không trái đạo đức xã hội. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, tuy nhiên khi đến hạn trả nợ ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị L không trả tiền cho ông Nguyễn Quang T là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Hội đồng xét xử xác định ông Nguyễn Quang T khởi kiện bà Trần Văn L, bà Nguyễn Thị L yêu cầu ông L, bà L trả số tiền 198.400.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3.4]. Về lãi suất, xét yêu cầu tính lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày 05-5-2021 đối với số tiền 208.400.000 đồng của ông Nguyễn Quang T thì thấy: Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, các bên có thỏa thuận lãi suất, đến hạn trả nợ ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị L không trả cho ông Nguyễn Quang T số tiền nợ gốc là do lỗi của ông L, bà L vì vậy cần chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của ông Nguyễn Quang T. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự thừa nhận có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng nhưng không ghi vào giấy vay tiền, lãi suất do các đương sự thỏa thuận không không vượt quá 20%/năm của khoản vay theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu tính lãi suất 1,5%/tháng của ông Nguyễn Quang T. Cụ thể:

Số tiền gốc 208.400.000 đồng tính từ ngày 05-5-2021 đến ngày ông Lưu, bà Lan trả 10.000.000 đồng (ngày 30-8-2022) là 15 tháng 25 ngày (208.400.000 đồng x 1,5 % x 15 tháng 25 ngày = 49.495.000 đồng).

Số tiền gốc 198.400.000 đồng tính từ ngày 31-8-2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04-5-2023) là 08 tháng 04 ngày (198.400.000 đồng x 1,5 % x 08 tháng 04 ngày = 24.205.000 đồng).

Tổng số tiền lãi suất ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Nguyễn Quang T (Lãi suất mục [3.2] + Lãi suất mục [3.4]) là 127.300.000 đồng *(Một trăm hai mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng)*

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu H thừa nhận số tiền ông Nguyễn Quang T cho ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị L vay là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông T và bà H, vì vậy cần buộc ông Lưu, bà Lan phải trả tiền nợ gốc và lãi suất cho ông T, bà H là phù hợp.

Từ những phân tích và đánh giá toàn bộ chứng cứ mà các đương sự cung cấp cho Tòa án, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T. Buộc ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Nguyễn Quang T và bà Lê Thị Thu H tổng số tiền 325.700.000 đồng *(Ba trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng)*, trong đó tiền nợ gốc là 198.400.000 đồng

(Một trăm chín mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng), tiền lãi suất là 127.300.000 đồng *(Một trăm hai mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng)* là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. *Về án phí:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật; nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[6]. Xét quan điểm và nội dung đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 5 Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 243, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 25, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

***Tuyên xử**:*

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của của ông Nguyễn Quang T đối với ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị L về số tiền gốc 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* ông L, bà L đã trả ngày 30-8-2022 và không yêu tính lãi suất đối với số tiền 53.600.000.000 đồng *(Năm mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng)*.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T đối với ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị L.

Buộc ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Nguyễn Quang T và bà Lê Thị Thu H số tiền 325.700.000 đồng *(Ba trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng)*, trong đó tiền nợ gốc là 198.400.000 đồng *(Một trăm chín mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng)*, tiền lãi suất là 127.300.000 đồng *(Một trăm hai mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị L phải nộp 16.285.000 đồng (*Mười sáu triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Quang T được nhận lại 7.850.000 đồng (*Bảy triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005210 ngày 13 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày

tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND H. Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS H. Đắk R'lấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Nguyên